

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 140/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04-6-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đặng Văn Tâm;
bà Nguyễn Thị Ly.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Hồ Nhật Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**
bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Trần Thị Phương T, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện P, tỉnh An Giang; địa chỉ khác: phòng C7, Nhà trọ L, ấp 3, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** anh Lê Hữu N, sinh năm 1989; nơi cư trú: số 173, tổ 8, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Phương T trình bày, chị T chung sống với anh N, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã L cấp chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 208, ngày đăng ký 11/11/2011. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung: Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 08/10/2011 đang sống chung với anh N.

Đầu năm 2015, vợ chồng sinh sống và làm việc tại Bình Dương, quá trình chung sống, anh N thường uống rượu say xỉn, đập phá đồ đạc, có lần cầm đèn

pin đánh chị T gây thương tích, việc này có chị dâu của anh N là chị Lê Thị M, sinh năm 1989 chứng kiến. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, mặc dù đã được gia đình hai bên động viên nhưng không ai chịu tạo cơ hội hàn gắn về tình cảm. Vì vậy, chị T yêu cầu ly hôn anh N, yêu cầu trực tiếp nuôi con do vào cuối năm 2015, anh N đe dọa chị T phải giao con cho anh N nuôi dưỡng thì mới chấp nhận cho chị T sống ly thân. Tuy nhiên, chị T thường xuyên cấp dưỡng, đóng tiền học phí cho con. Mặt khác, anh N thường xuyên đi uống rượu giao con lại cho ông bà nội chăm sóc. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Hữu N trình bày, anh N thống nhất với chị T về vợ chồng có kết hôn và chấp nhận thuận tình ly hôn; Bên cạnh đó, anh N thống nhất vợ chồng có 01 con chung: Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 08/10/2011 đang sống chung với anh N. Khi ly hôn, anh N không chấp nhận giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng do con sống chung với anh N từ khi con học mẫu giáo cho đến nay đang học lớp 8 tại thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Từ ngày chị T đi làm, một mình ở trọ nên anh N không yên tâm giao cho chị T dẫn con theo. Mặt khác, bản thân anh N làm tài xế dịch vụ, nội thất ở quê, thỉnh thoảng giao thiệp rượu chè với bạn bè nên giao con lại cho ông, bà nội trông giữ. Ngoài ra, anh N không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Ý kiến của chị T tại phiên tòa: giữ nguyên yêu cầu ly hôn do không thể hàn gắn. Đồng thời, yêu cầu trực tiếp nuôi con do anh N thường xuyên uống rượu, bỏ bê con nhỏ và con có nguyện vọng sống chung với chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ. Cạnh đó, khi vợ chồng ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho người trực tiếp nuôi con thì cần phải xem xét điều kiện phát triển và nguyện vọng của con. Qua ý kiến của con Lê Ngọc Trâm A mong muốn sống chung với chị T do anh N không quan tâm, chăm sóc, uống rượu say xỉn, chửi mắng. Trong khi đó, chị T lại lo các chi phí học tập cho con; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Phương T với anh Lê Hữu N. Chị T được nuôi dưỡng con Lê Ngọc Trâm A và không yêu cầu cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị T có đơn khởi kiện đối với anh N về yêu cầu ly hôn, nuôi con. Anh N có nơi cư trú xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới; Tại phiên tòa, chị T có mặt; anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị T và anh N là vợ chồng hợp pháp, được nhà nước tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, theo lời khai của anh N thống nhất thuận tình ly hôn theo yêu cầu của chị T. Thấy sự tự nguyện ly hôn của đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn theo quy định Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh N đều yêu cầu trực tiếp nuôi con, thừa nhận con Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 08/10/2011 đang sống chung với anh N. Theo lời khai của các đương sự, ý kiến nguyện vọng của cháu Trâm Anh do Tòa án thu thập cho thấy, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, tuy con sống chung với anh N nhưng các chi phí học tập, ăn uống hằng ngày của cháu Trâm Anh đều do chị Nhi chu cấp. Mặt khác, cháu Trâm Anh có ý kiến nguyện vọng sống chung với mẹ do cảm thấy mẹ quan tâm nhiều hơn cha.

[4] Do đó, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con là có căn cứ bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con Lê Ngọc Trâm A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Sau khi ly hôn, chị T phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh N thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

[5] Chị T không yêu cầu cấp dưỡng cho con, đồng thời chị T, anh N không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí sơ thẩm: chị T và anh N thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 25% mức án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trần Thị Phương T và anh Lê Hữu N.

2. Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Phương T đối với bị đơn anh Lê Hữu N về yêu cầu trực tiếp nuôi con;

Buộc anh Lê Hữu N giao con Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 08/10/2011 cho chị Trần Thị Phương T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Anh N không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: chị T phải chịu án phí ly hôn 75.000 đồng, được trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0024114 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới và được nhận lại tạm ứng án phí 225.000 đồng.

Anh N phải chịu án phí ly hôn 75.000 đồng.

4. Chị T có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Anh N vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân